NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2021

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2021

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước v/v quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật hiện hành khác hướng dẫn thực hiện*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á;*

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ.

- Thêm nguồn vốn trung, dài hạn cho các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư của ngân hàng.
- Nâng cao năng lực tài chính, quy mô và chất lượng tài sản sinh lời, tăng cường khả năng đầu tư tài sản và đầu tư kinh doanh, nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho chiến lược mở rộng hoạt động của VietABank;
- Mở rộng, nâng cấp hệ thống mạng lưới các Chi nhánh, Phòng giao dịch; Đầu tư vào các dự án chiến lược của ngân hàng;
- Tăng cường năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập và mở cửa lĩnh vực ngân hàng – tài chính, nâng cao khả năng chống đỡ với các rủi ro trong hoạt động và đáp ứng ngày càng tốt hơn các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động.

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ.

1. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến.

a. Mức vốn điều lệ tăng thêm

• Vốn điều lệ hiện tại:	4.449.635.670.000 đồng (Bốn nghìn bốn trăm bốn mươi chín tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)
• Vốn điều lệ tăng thêm bằng phát hành cổ phiếu thưởng:	950.000.000.000 đồng (chín trăm năm mươi tỷ đồng)
• Vốn điều lệ sau khi tăng	5.399.635.670.000 đồng (Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)

b. **Kế hoạch thực hiện:** Thời điểm tăng vốn cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

c. **Thời gian dự kiến hoàn thành tăng vốn điều lệ:** Trong năm 2021.

2. Chi tiết phương án phát hành cổ phiếu để chia cổ tức.

1	Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Á
2	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á
3	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng
4	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
5	Số lượng chia cổ tức bằng cổ phiếu	95.000.000 cổ phiếu
6	Tổng mệnh giá cổ phiếu	950.000.000.000 đồng (chín trăm năm mươi tỷ đồng)
7	Hình thức chia cổ tức	Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận năm 2020 sau khi trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia. (theo kết quả kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập tại thời điểm 31/12/2020).
8	Đối tượng nhận cổ tức	Cổ đông hiện hữu của VietABank tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức.
9	Tỷ lệ thực hiện và chia cổ tức	21,35% tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:21,35 *(tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách sẽ được nhận cổ tức là 21,35 cổ phiếu mới phát hành thêm)*
10	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu khi chia cho các Cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.
11	Tổng số cổ phiếu của VietABank sau khi phát hành	539.963.567 cổ phiếu
12	Vốn điều lệ sau khi phát hành	5.399.635.670.000 đồng (Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm

		bảy mươi nghìn đồng)
13	Thời gian chia cổ tức dự kiến	Thời gian cụ thể sẽ do HĐQT VietABank quyết định sau khi được NHNN và UBCKNN chấp thuận phương án chia cổ tức.
14	Thời gian dự kiến hoàn thành việc chia cổ tức	Trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm VietABank được được NHNN và UBCKNN chấp thuận phương án chia cổ tức.
15	Cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức	VietABank cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ ngày kết thúc đợt chia cổ tức.

3. Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh sau khi tăng vốn điều lệ.

3.1. Bảng cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn năm 2021.

Đơn vị: tỷ đồng, %

STT	CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	% TĂNG (GIẢM)	
				+/-	%
A	**TÀI SẢN**				
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	**296**	**340**	**44**	**15%**
II	**Tiền gửi tại NHNN**	**2,201**	**2,531**	**330**	**15%**
III	**Tiền gửi/cho vay TCTD khác**	**15,223**	**18,642**	**3,419**	**22%**
IV	**Công cụ tài chính phái sinh**	**6**	**6**	**-**	
V	**Dư nợ tín dụng (bao gồm TPDN)**	**47,808**	**54,986**	**7,178**	**15%**
1	Cho vay khách hàng & TPDN	48,379	55,654	7,275	15%
2	Dự phòng rủi ro tín dụng	(571)	(668)	(97)	17%
VI	**Hoạt động đầu tư**	**12,514**	**14,381**	**1,867**	**15%**
1	Hoạt động đầu tư	12,530	14,409	1,879	15%
2	Dự phòng giảm giá	(16)	(29)	(13)	
VII	**Tài sản cố định**	**208**	**228**	**21**	**10%**
VIII	**Bất động sản đầu tư**	**-**	**-**	**-**	
IX	**Tài sản có khác**	**8,275**	**5,961**	**(2,313)**	**-28%**
	TỔNG TÀI SẢN	**86,529**	**97,075**	**10,546**	**12%**
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			**-**	
I	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNN**	**-**	**-**	**-**	
II	**Tiền gửi và tiền vay của TCTD khác**	**18,167**	**21,726**	**3,559**	**20%**
III	**Tiền gửi của Khách hàng**	**59,272**	**64,657**	**5,385**	**9%**
IV	**Công cụ tài chính phát sinh**	**-**		**-**	
V	**Phát hành Giấy tờ có giá**	**1,358**	**1,493**	**136**	**10%**
VI	**Vốn tài trợ ủy thác đầu tư**	**-**	**-**	**-**	
VII	**Các khoản nợ khác**	**2,009**	**2,924**	**915**	**46%**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**80,805**	**90,800**	**9,995**	**12%**

STT	CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	% TĂNG (GIẢM)	
				+/-	%
VIII	**Vốn và các quỹ**	**5,724**	**6,275**	**551**	**10%**
1	Vốn của TCTD	4,450	5,451	1,001	23%
	Vốn điều lệ	4,450	5,400	950	21%
2	Quỹ của TCTD	277	329	53	19%
3	Lợi nhuận chưa phân phối	997	495	(503)	-50%
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VCSH	**86,529**	**97,075**	**10,546**	**12%**

3.2. Bảng chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và chỉ số an toàn hoạt động năm 2021.

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2020	KH 2021	Tăng trưởng	
			Số tuyệt đối	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
1. Các chỉ tiêu hoạt động				
1.1 Vốn chủ sở hữu	5.724	7.225	1.501	26%
1.2 Vốn Điều lệ	4.450	5.400	950	21%
1.3 Tổng Tài sản	86.529	97.075	10.546	12%
1.4 Cho vay khách hàng (bao gồm TPDN)	48.379	55.654	7.275	15%
1.5 Tiền gửi của khách hàng (bao gồm GTCG)	60.629	66.150	5.521	9%
1.6 Tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác	18.167	21.726	3.559	20%
1.7 Lợi nhuận trước thuế	407	658	251	61%
1.8 Lợi nhuận sau thuế	332	526	194	59%
1.9 Tỷ suất LNST trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	5,80%	8,11%	2,3%	40%
1.10 Tỷ suất LNST trên Tổng tài sản bình quân (ROA)	0,38%	0,54%	0,2%	41%
1.11 Tỷ lệ nợ xấu	2,30%	<3,0%		
2. Các tỷ lệ an toàn hoạt động (*)				
2.1 Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (TT41)				
Tỷ lệ an toàn vốn	*8,41%*	*≥ 8%*		
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	*8,44%*	*≥ 8%*		
2.2 Giới hạn cấp tín dụng				
Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng/vốn tự có	*16,3%*	*≤ 15%*		
Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan/vốn tự có	*5,6%*	*≤ 25%*		
2.3. Tỷ lệ về khả năng chi trả				
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	*12,4%*	*≥ 10%*		
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam	*100,0%*	*≥ 50%*		
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ	*100,0%*	*≥ 10%*		
2.4 Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn	*34,0%*	≤ 40%		

Chỉ tiêu	Năm 2020	KH 2021	Tăng trưởng	
			Số tuyệt đối	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
2.5 Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh so với Tổng Nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước đó	*16,2%*	≤ 30%		
2.6 Giới hạn góp vốn, mua cổ phần				
Mức góp vốn, mua cổ phần của VAB và các công ty con, công ty liên kết / Vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp	*≤ 11%*	*≤ 11%*		
Tổng mức góp vốn, mua cổ phần vào các doanh nghiệp / Vốn điều lệ và quỹ dự trữ của VAB	*15,3%*	*≤ 40%*		
2.7 Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	*65,1%*	≤ 85%		

Ngoài các chỉ tiêu tỷ lệ bảo đảm an toàn nêu trên, VietABank cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định khác của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

4. Dự kiến thay đổi về cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông lớn, cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ngân hàng sau khi tăng vốn điều lệ.

Cơ cấu và tỷ lệ cổ phần các cổ đông lớn, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VietABank sau khi tăng vốn điều lệ không thay đổi *(Phụ lục 1 đính kèm)*. Các tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông trên vẫn đảm bảo tuân thủ theo quy định giới hạn sở hữu cổ phần của Ngân hàng Nhà nước.

5. Khả năng quản trị, giám sát của VietABank.

a. Vốn điều lệ tăng thêm đòi hỏi công tác quản trị, quản lý, giám sát của VietABank cũng phải nâng lên một tầm cao mới. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát đều có uy tín, trình độ, kinh nghiệm quản trị ngân hàng và có nhiều tâm huyết, đóng góp vào sự phát triển của ngân hàng. VietABank luôn đảm bảo số lượng thành viên HĐQT và thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ các mảng hoạt động của Ngân hàng nhằm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của ngành, Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ thường trực. Với cơ chế quản trị và điều hành thống nhất, phối hợp thường xuyên và hiệu quả giữa hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh là yếu tố quan trọng giúp VietABank phát triển nhanh và vững chắc.

b. VietABank đã thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát toàn bộ công tác quản trị rủi ro trên mọi lĩnh vực hoạt động của ngân hàng, đồng thời tham mưu cho HĐQT các chính sách, biện pháp khắc phục và phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành Ngân hàng. Hội đồng ALCO quản lý tài sản nợ và tài sản có của VietABank thực hiện việc quản trị rủi ro hoạt động, thanh khoản, lãi suất, đầu tư.

c. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với sự hỗ trợ của hệ thống kiểm toán nội bộ. Phòng Kiểm toán nội bộ và đội ngũ giám sát tín dụng với các bộ phận, nhân viên đặt tại các chi nhánh, kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng và đã đề xuất, đưa ra các ý kiến giúp Ban điều hành kịp thời đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục trong hoạt động ngân hàng.

d. Ban điều hành VietABank là những người có năng lực và kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, hoạt động điều hành việc thực hiện kế hoạch kinh doanh một cách tập trung và đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời. Ngoài ra, Khối Quản trị rủi ro thực hiện việc phân tích, đánh giá và đưa ra những đề xuất cho công tác kiểm soát rủi ro của ngân hàng trong từng hoạt động nghiệp vụ.

e. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát có năng lực, đoàn kết, có ý thức chấp hành luật pháp và luôn có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản trị và điều hành hoạt động của VietABank.

f. Hiện nay hệ thống công nghệ thông tin của VietABank đã được trang bị phần mềm lõi Core Bank của Oracle, liên tục được nâng cấp và hoàn chỉnh để đáp ứng tối đa các ứng dụng của công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng.

6. Đề xuất.

- Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ như trên.

- Đồng thời để thuận lợi cho quá trình triển khai công việc nhanh chóng, hiệu quả, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị hiệu chỉnh/hoàn chỉnh và/hoặc phê duyệt toàn bộ Phương án tăng vốn điều lệ nêu trên (nếu phải chỉnh sửa), phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của VietABank, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, đồng thời tiến hành trình các Cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật. Bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:

+ Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế có thể chia của VietABank, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

+ Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh liên quan đến tăng vốn điều lệ nêu trên;

+ Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên tại Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

+ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện thay đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động của VietABank theo quy định của pháp luật.

+ Các nội dung, công việc khác liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TUQ. CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

Phan Văn Tới

Nơi nhận:
- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban Tổng Giám đốc.

PHỤ LỤC 1

Dự kiến thay đổi cơ cấu sở hữu của cổ đông lớn,

cổ đông là thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trước và sau khi tăng vốn

STT	Tên cổ đông	Thông tin định danh	Địa chỉ	Đại diện theo pháp luật	Trước khi tăng vốn		Sau khi tăng vốn	
					Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông lớn**							
1	CTCP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương	Giấy ĐKKD số 0103016068 cấp ngày 07/03/2007 tại sở KHĐT Hà Nội	22 Tống Duy Tân, P. Hàng Bông, Q. Hoàn Kiếm, HN	Phương Minh Huệ	54.316.548	12,21%	65.913.130	12,21%
2	Công ty CP Rạng Đông	Giấy ĐKKD số 3400181691 cấp ngày 06/09/2007 tại sở KHĐT tỉnh Bình Thuận	J45 Tôn Đức Thắng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Nguyễn Văn Đông	32.686.998	7,35%	39.665.672	7,35%
3	Văn phòng thành ủy TP HCM		127 Trương Định, Quận 3, HCM		22.105.686	4,97%	26.825.249	4,97%
II	**Thành viên HĐQT**							
1	Phương Hữu Việt	CCCD số 027064000264 Cấp ngày 06 tháng 05 năm 2020 tại Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.	22 Tống Duy Tân, P. Hàng Bông, Q. Hoàn Kiếm, HN		20.231.895	4,55%	24.551.404	4,55%

STT	Tên cổ đông	Thông tin định danh	Địa chỉ	Đại diện theo pháp luật	Trước khi tăng vốn		Sau khi tăng vốn	
					Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
2	Phan Văn Tới	CCCD số 079057007177 Cấp ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	356 Quốc lộ 22, Ấp Tân Tiến, Xã Tân Thông Hội, Huyện Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh		0	0,00%	-	
3	Trần Tiến Dũng	CMND số 023282056 cấp ngày 07/03/2012 tại CA. TP HCM	215D10 Nguyễn Văn Hưởng, P. Thảo Điền, Q.2, TP HCM		4.526.379	1,02%	5.492.760	1,02%
4	Phương Minh Huệ	CCCD số 027171000250 Cấp ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 24, Ngõ 31 Vân Đồn, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội		0	0,00%		
5	Nguyễn Hồng Hải	CMND số : 010302871 cấp ngày 04/03/2008 tại CA TP Hà Nội	Số nhà 17-19 ngõ 31, Đường Nguyễn Chí thanh, Phường Ngọc khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.		0	0,00%	-	

STT	Tên cổ đông	Thông tin định danh	Địa chỉ	Đại diện theo pháp luật	Trước khi tăng vốn		Sau khi tăng vốn	
					Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
III	**Thành viên Ban Kiểm soát**							
1	Nguyễn Kim Phượng	CMND số 350759425 cấp ngày 03/04/2018 tại CA tỉnh An Giang	96B4, đường Cao Thắng, khóm Bình Khánh 6, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang		1.055	0,00%	1.280	0,00%
2	Hoàng Vũ Tùng	CMND số 011539839 cấp ngày 24/10/2007 tại Công an TP Hà Nội	Phòng 103 B1 Láng Hạ- Đống Đa- Hà Nội		0	0,00%	-	
3	Nguyễn Thị Hoan	CMND số 001178003768 cấp ngày 10/02/2015 do cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	P503 nhà B, TT Hồ Quỳnh, ngõ 88 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội		0	0,00%	-	
Tổng cộng					**133.868.561**	**30,09%**	**162.449.495**	**30,09%**